

Bản án số: 461/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 6 - 2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Vân

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1227/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương M, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 1269/9A đường H, Phường 5, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Cư trú: 1263/9A đường H, Phường 5, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: 1269/9A đường H, Phường 5, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Phương M trình bày:

Bà M và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1986 và đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 20/01/1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 mâu thuẫn phát sinh do đời sống hôn nhân không hòa hợp, làm ăn thất bại nên một mình Bà M phải gánh vác kinh tế gia đình, phải thay ông T trả nợ. Ngoài ra, ông T còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, còn thường xuyên ghen vô cớ, có những lời lẽ xúc phạm vợ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, gây gổ với nhau nên đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Bà M nhiều lần tha thứ, bỏ qua tạo điều kiện cho ông T thay đổi để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Phương M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Bà M xác định quá trình chung sống vợ chồng có 03 (ba) con chung tên: Nguyễn Văn H , sinh ngày 11/10/1987; Nguyễn Văn P , sinh ngày 04/8/1990 (chết ngày 28/4/2012) và Nguyễn Văn K , sinh ngày 18/12/1997. Hiện trẻ Hùng và Khang đã thành niên. Ngoài ra, vợ chồng không còn có con chung, con nuôi nào khác.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M tự xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai đề ngày 05/3/2020; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải cùng đề ngày 05/3/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Phương M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1986 và đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 20/01/1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2019 cho đến nay vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được vì Bà M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, mang tiền đi cho người đó nhưng ông không có chứng cứ chứng minh cho sự việc nêu trên. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, không nói chuyện với nhau. Nhưng nay vợ chồng đã lớn tuổi, đứa con lớn đã có gia đình riêng, các con không muốn cha mẹ ly hôn và cho rằng nếu cha mẹ ly hôn thì con sẽ tự tử. Do đó, vì thương con nên ông T không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Phương M. Còn việc Tòa án giải quyết như thế nào thì Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông T không đồng ý lên Tòa án để giải quyết vụ án nữa.

Về nuôi con chung: Ông xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Văn H , sinh ngày 11/10/1987 và Nguyễn Văn K , sinh ngày

18/12/1997. Hiện trẻ Hùng và Khang đã thành niên. Ngoài ra, vợ chồng không còn có con chung, con nuôi nào khác.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Phương M và bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bà M và ông Tám.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Phương M thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Nguyễn Phương M và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/1999, quyền số 01 cấp ngày 20/01/1999) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013 và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Phương M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cả Bà M và ông T đều xác nhận vợ chồng có phát sinh những mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc và không còn nói chuyện với nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà M và ông T đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông T cho rằng ông không đồng ý ly hôn vì sợ các con sẽ bị ảnh hưởng dẫn đến tự tử, còn việc Tòa án giải quyết như thế nào thì Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật, ông T không đồng ý đến Tòa nữa. Tuy nhiên, tại Bản tự khai đề ngày 02/6/2020 anh Nguyễn Văn K đã trình bày: “Việc cha mẹ ly hôn sẽ không ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần của tôi nên không làm cho anh em chúng tôi tự tử”. Đồng thời, cả anh Nguyễn Văn H và anh Khang là người thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (anh Hùng đã có gia đình) theo quy định tại Điều 20 của Bộ luật Dân sự. Do đó, việc Bà M và ông T có ly hôn cũng sẽ không ảnh hưởng lớn đến tâm, sinh lý của các con nên lý do của ông T đưa ra là không có cơ sở. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Về nuôi con chung: Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải Bà M và ông T cùng xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/10/1987 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 18/12/1997. Hiện trẻ Hùng và Khang đã thành niên. Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác. Tuy nhiên, ngày 02/6/2020 bà Nguyễn Phương M đã giao nộp cho Tòa án giấy khai sinh và giấy chứng tử của anh Nguyễn Văn P. Tại biên bản làm việc cùng ngày 02/6/2020 Bà M cho rằng vì trẻ Nguyễn Văn P đã chết vào năm 2012 nên cả bà và ông T cho rằng không phải khai với Tòa án. Bà xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung tên: Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/10/1987; Nguyễn Văn P, sinh ngày 04/8/1990 (chết ngày 28/4/2012) và Nguyễn Văn K, sinh ngày 18/12/1997. Lời trình bày của Bà M cũng phù hợp với lời trình bày của anh Nguyễn Văn K tại bản tự khai đề ngày 02/6/2020.

Xét thấy, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào Giấy khai sinh số 236, quyền số 01, đăng ký ngày 19/10/1987 tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cho Nguyễn Văn H; Giấy khai sinh số 14, quyền số 01/1998, đăng ký ngày 05/01/1998 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cho Nguyễn Văn K; Trích lục khai sinh số 651/TLKS-BS, đăng ký ngày 17/8/1990 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cho Nguyễn Văn P và Giấy chứng tử số 59, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/4/2012 đã đủ cơ sở để xác định Bà M và ông T có 03 (ba) con chung tên: Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/10/1987; Nguyễn Văn P, sinh ngày 04/8/1990 (chết ngày 28/4/2012) và Nguyễn Văn K, sinh

ngày 18/12/1997. Hiện trẻ H và K đã thành niên. Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác.

Về tài sản chung: Bà M và ông T cùng xác định hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà M và ông T cùng xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 20 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của bà Nguyễn Phương M.

1.1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Phương M ly hôn ông Nguyễn Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 19/1999, quyền số 01 do Ủy ban nhân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/1999 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về nuôi con chung: Có 03 (ba) con chung tên: Nguyễn Văn H , sinh ngày 11/10/1987; Nguyễn Văn P , sinh ngày 04/8/1990 (chết ngày 28/4/2012) và Nguyễn Văn K , sinh ngày 18/12/1997. Hiện trẻ H và K đã thành niên.

1.3. Về tài sản chung: Đương sự cùng xác định hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Đương sự cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Phương M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/ 0012597 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Tiến